

BẢN TIN

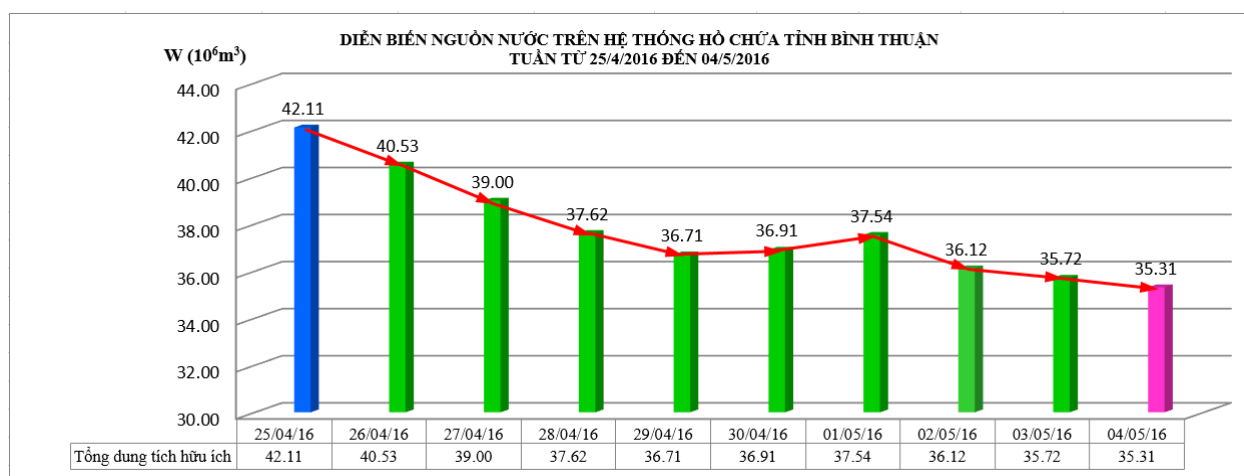
DỰ BÁO NGUỒN NƯỚC VÀ KẾ HOẠCH SỬ DỤNG NƯỚC PHỤC VỤ SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP TRÊN LƯU VỰC SÔNG LỮY - LA NGÀ TỈNH BÌNH THUẬN NĂM 2016

(Tuần từ 05/05/2016 đến 12/05/2016)

1. KIỂM KÊ THỰC TRẠNG NGUỒN NƯỚC TRÊN HỆ THỐNG CÔNG TRÌNH THỦY LỢI TỈNH BÌNH THUẬN

1.1. Diễn biến nguồn nước trong các hồ, đập từ ngày 25/04 - 04/05/2016

Diễn biến nguồn nước trong các hồ, đập tỉnh Bình Thuận từ ngày 25/04/2016 đến 04/05/2016 được trình bày tại Hình 1, kết quả cho thấy: Tổng lượng nước trong các hồ, đập có xu thế giảm bình quân 0,58 triệu m³/ngày ít hơn so với tuần trước (0,91 triệu m³/ngày). Tổng lượng giảm là 6,80 triệu m³.



Hình 1: Diễn biến nguồn nước trong các hồ, đập tỉnh Bình Thuận từ 25/04-04/05/2016

1.2. Kiểm kê thực trạng nguồn nước trên địa bàn tỉnh Bình Thuận tính đến ngày 04/05/2016

1.2.1. Nguồn nước trong các hồ, đập thủy lợi.

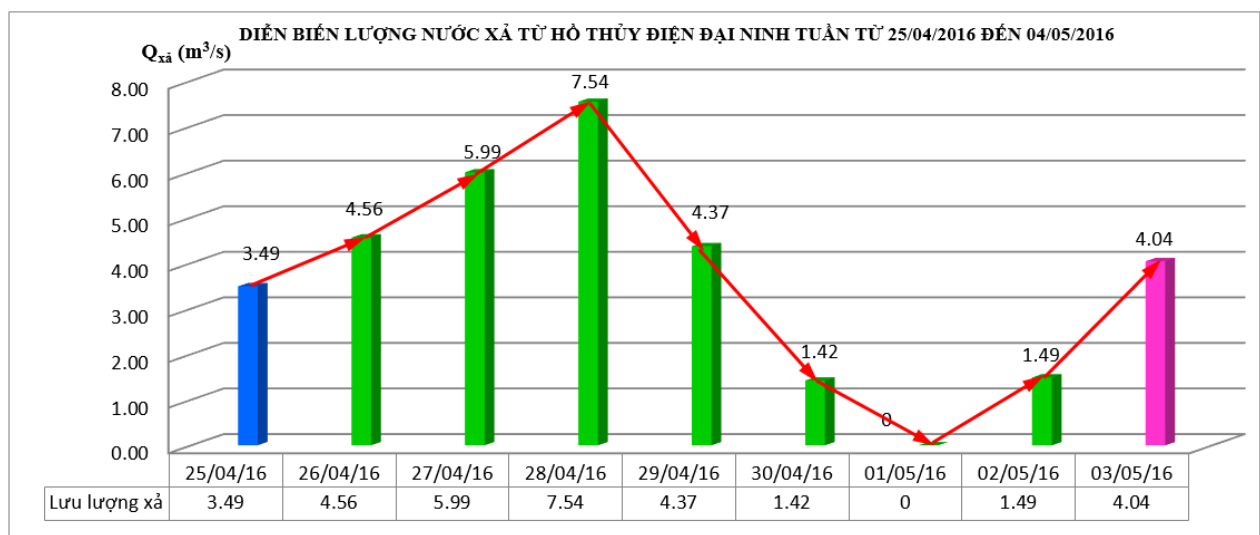
Tính đến ngày 04/05/2016 tổng dung tích của 16 hồ, đập trên địa bàn tỉnh Bình Thuận là 35,3 triệu m³, còn lại 16,31% so với dung tích thiết kế. Một số hồ, đập đã cạn nước như hồ Đá Bạc, hồ Suối Đá, hồ Sông Móng, Đập Ba Bàu, hồ Tà Mon, hồ Núi Đất, hồ Trà Tân, Đập Sông Phan.

Bảng 1: Tổng hợp dung tích các hồ, đập tỉnh Bình Thuận tính đến ngày 04/05/2016

| | Tên Các Hồ Chứa | DUNG TÍCH (10 ⁶ m ³) | | | | | | Tỷ lệ dung tích hiện tại so với thiết kế |
|------------------|-----------------|---|----------------|----------------|---------------|------------------|------------------|--|
| | | Hiện Tại | Bình thường | Gia cường | Chết | Hữu ích thiết kế | Hữu ích hiện tại | |
| 1 | Đá Bạc | 0,657 | 4,870 | 9,718 | 0,392 | 4,478 | 0,265 | 5,92% |
| 2 | Lòng Sông | 10,410 | 37,160 | 40,271 | 3,464 | 33,696 | 6,946 | 20,61% |
| 3 | Cà Giây | 12,129 | 36,921 | 63,209 | 8,409 | 28,512 | 3,720 | 13,05% |
| 4 | Sông Khán | 0,688 | 2,014 | 2,520 | 0,261 | 1,753 | 0,427 | 24,36% |
| 5 | Sông Quao | 24,835 | 73,000 | 80,000 | 5,700 | 67,300 | 19,135 | 28,43% |
| 6 | Suối Đá | 1,695 | 9,131 | 12,786 | 1,273 | 7,858 | 0,422 | 5,37% |
| 7 | Cắm Hang | 0,703 | 1,180 | 1,215 | 0,013 | 1,167 | 0,690 | 59,13% |
| 8 | Sông Móng | 1,890 | 37,156 | 51,515 | 2,985 | 34,171 | -1,095 | -3,20% |
| 9 | Ba Bàu | 0,784 | 6,938 | 11,403 | 0,964 | 5,974 | -0,180 | -3,01% |
| 10 | Đu Đủ | 2,616 | 3,664 | 5,217 | 0,297 | 3,367 | 2,319 | 68,88% |
| 11 | Tân Lập | 0,553 | 1,070 | 1,520 | 0,07 | 1,000 | 0,483 | 48,32% |
| 12 | Tà Mon | 0,020 | 0,657 | 0,72 | 0,05 | 0,607 | -0,03 | -4,94% |
| 13 | Núi Đất | 0,837 | 8,466 | 9,648 | 0,566 | 7,900 | 0,271 | 3,43% |
| 14 | Trà Tân | 0,403 | 3,888 | 8,333 | 0,403 | 3,485 | 0,000 | -0,01% |
| 15 | Sông Phan | 0,115 | 3,022 | 3,579 | 0,172 | 2,850 | -0,057 | -1,99% |
| 16 | Phan Dũng | 3,227 | 13,674 | 18,925 | 1,233 | 12,441 | 1,994 | 16,03% |
| Tổng Cộng | | 61,563 | 242,811 | 320,579 | 26,252 | 216,559 | 35,311 | 16,31% |

1.2.2. Nguồn nước thủy điện

Đến ngày 04/05/2016, lượng nước còn lại của hồ thủy điện Đại Ninh là 27,6 triệu m³/251,7 triệu m³, chiếm 10,98% so với dung tích thiết kế, đã giảm 1,7 triệu m³ so với tuần trước (ngày 25/04/2016).



Hình 2: Diễn biến lượng nước xả từ hồ Thủy điện Đại Ninh từ ngày 25/04/2016 đến 03/05/2016

Đến ngày 04/05/2016, lượng nước còn lại của Hồ thủy điện Hàm Thuận là 162 triệu m³/ 522,50 triệu m³, chiếm 31,01% so với dung tích thiết kế, đã giảm 17 triệu m³ so với tuần trước (ngày 25/04/2016).

Bảng 2: Dung tích hồ chứa thủy điện Đại Ninh và Hàm Thuận tính đến ngày 04/05/2016

| Stt | Tên Các | DUNG TÍCH (10 ⁶ m ³) | | | | | | Tỷ lệ dung hiện tại |
|-----|------------------|---|------------------|------------------|----------------|------------------|------------------|---------------------|
| | Hồ Chứa | Hiện Tại | Bình thường | Gia cường | Chết | Hữu ích Thiết kế | Hữu ích Hiện tại | |
| 1 | <u>Đại Ninh</u> | 95,668 | 319,770 | 549,820 | 68,040 | 251,730 | 27,628 | 10,98% |
| 2 | <u>Hàm Thuận</u> | 334,764 | 695,230 | 976,650 | 172,730 | 522,500 | 162,034 | 31,01% |
| | Tổng Cộng | 430,432 | 1,015,000 | 1,526,470 | 240,770 | 774,230 | 189,662 | 24,50% |

Từ ngày 25/4/2016 đến ngày 04/05/2016, thủy điện Đại Ninh và Hàm Thuận - Đa Mi cơ bản đảm bảo duy trì thời gian và lưu lượng chạy máy phát điện kết hợp cấp nước về hạ du theo Biên bản thống nhất kế hoạch điều tiết nước hồ thủy điện Hàm Thuận - Đa Mi và Đại Ninh ngày 24/3/2016 giữa Sở Nông nghiệp và PTNT Bình Thuận với các Nhà máy Thủy điện.

1.2.3. Nguồn nước mặt, nước nhả, nước ngầm

Hiện tại lượng dòng chảy mặt trên các lưu vực sông, suối, nguồn nước nhả tại các công trình thủy lợi vùng miền núi trên toàn tỉnh Bình Thuận đã cạn kiệt; mực nước ngầm hạ thấp, khó khăn trong việc khai thác sử dụng nguồn nước thô từ giếng khoan phục vụ hoạt động của các công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn.

2. DỰ BÁO TÌNH HÌNH MƯA VÀ NGUỒN NƯỚC

2.1. Tài liệu dự báo

Tài liệu mưa ngày, khí tượng, thủy văn của các trạm chính trên địa bàn tỉnh Bình Thuận (Trạm Sông Lũy, Tà Pao, Phan Thiết, Hàm Tân, Cà Ná) từ năm 1978-2015.

Tài liệu dự báo mưa, bốc hơi tại trạm Sông Lũy, Tà Pao, Phan Thiết, Hàm Tân.

Tài liệu diện tích sản xuất thực tế và kế hoạch sản xuất của tỉnh Bình Thuận năm 2016. Lịch thời vụ các loại cây trồng.

Quy trình vận hành và quan hệ đặc tính lòng hồ F~Z~W của hệ thống công trình thủy lợi tỉnh Bình Thuận và các hồ thủy điện Đại Ninh, Hàm Thuận – Đa Mi.

Lượng xả dự kiến của các hồ thủy điện Đại Ninh và Hàm Thuận – Đa Mi.

2.2. Công cụ dự báo

Trong dự báo này sử dụng 2 mô hình chính là : mô hình thủy văn MIKE NAM và mô hình cân bằng nước MIKE BASIN đã được hiệu chỉnh và kiểm định.

- Sử dụng mô hình NAM để tính toán dòng chảy mặt trên các lưu vực sông
- Sử dụng mô hình MIKE BASIN để tính toán khả năng nguồn nước các lưu vực sông tỉnh Bình Thuận theo không gian và thời gian.

2.3. Dự báo tình hình khí tượng, thủy văn khu vực tỉnh Bình Thuận

| Dự báo KTTV tháng 05/2016 | Dự báo KTTV tuần 1 tháng 05/2016 (từ ngày 01-10/05/2016) |
|--|--|
| <p>a. <u>Khí tượng:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Lượng mưa một vài nơi trong tỉnh phổ biến: 50 - 75mm, với 6 - 12 ngày mưa, riêng vùng núi Tây và Tây Nam 100 - 150mm, 6 - 12 ngày mưa. - Tổng lượng bốc hơi: 130 - 150mm. | <p>a. <u>Khí tượng:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Lượng mưa không đáng kể, dự báo từ: 5 - 15 mm, vùng núi: 20 – 40mm với 1 - 2 ngày mưa. - Tổng lượng bốc hơi: 40 - 50mm. |

b. Thủy văn:

Mức nước tại trạm Tà Pao và sông Lũy tại trạm Sông Lũy ít thay đổi. Đạt giá trị thấp hơn TBNN.

+ Tà Pao: Htb = 116,20m; Hmax = 116,60m;
Hmin = 115,55m.

+ Sông Lũy: Htb = 22,90m; Hmax = 23,10m
Hmin = 22,82m.

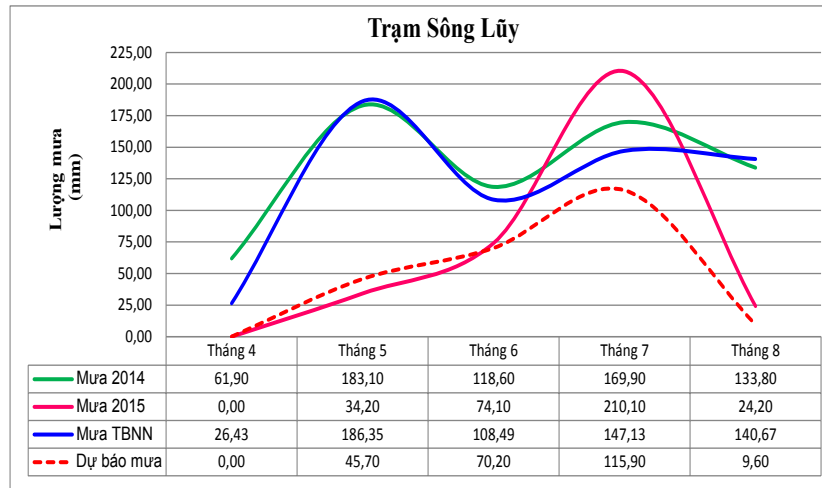
b. Thủy văn:

Mức nước tại trạm Tà Pao và tại trạm Sông Lũy ít thay đổi. Đạt giá trị thấp hơn TBNN.

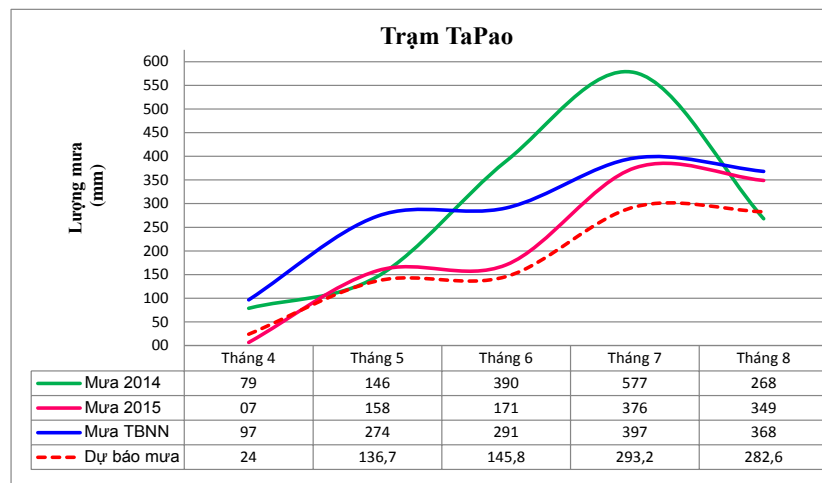
+ Tà Pao: Htb = 116,20m; Hmax = 116,50m; Hmin = 115,55m.

+ Sông Lũy: Htb = 22,88m; Hmax = 23,00m; Hmin = 22,833m

(Nguồn: Đài KTTV tỉnh Bình Thuận)



Hình 2: Lượng mưa trung bình tháng trong quá khứ và dự báo trong giai đoạn 5 tháng tiếp theo tại trạm Sông Lũy



Hình 3: Lượng mưa trung bình tháng trong quá khứ và dự báo trong giai đoạn 5 tháng tiếp theo tại trạm Tà Pao

2.4. Dự báo khả năng dòng chảy đến các hồ, đập thủy lợi vụ Hè Thu năm 2016 tỉnh Bình Thuận.

Bảng 3: Kết quả dự báo khả năng dòng chảy đến các hồ, đập vụ Hè Thu (tháng 5 –tháng 8) năm 2016 tỉnh Bình Thuận

| TT | LV Sông, hồ | Dự báo khả năng dòng chảy đến các hồ, đập vụ Hè Thu ($10^6 m^3$) | | | | |
|----|-------------|--|---------|---------|---------|--------------------------|
| | | Tháng 5 | Tháng 6 | Tháng 7 | Tháng 8 | Tổng cộng ($10^6 m^3$) |
| 1 | Hồ Đá Bạc | 0,03 | - | - | 0,05 | 0,08 |

| | | | | | | |
|----|---------------------------------|--------|--------|--------|--------|----------------|
| 2 | Hồ Phan Dũng | 1,10 | 1,81 | 1,61 | 3,48 | 8 |
| 3 | Hồ Lòng Sông | 0,11 | 0,26 | 1,31 | 6,16 | 7,84 |
| 4 | Đập Sông Lũy | 9,16 | 22,34 | 35,57 | 42,72 | 109,79 |
| 5 | Hồ Cà Giây | 1,74 | 4,28 | 2,79 | 6,03 | 14,84 |
| 6 | Đập Đồng Mới, Tú Sơn .. | 25,33 | 41,27 | 21,97 | 31,85 | 120,42 |
| 7 | Hồ Sông Quao | 3,72 | 27,79 | 34,04 | 46,82 | 112,37 |
| 8 | Hồ Suối Đá | 0,62 | 1,56 | 1,02 | 2,20 | 5,4 |
| 9 | Hồ Sông Khán | 0,43 | 1,04 | 0,70 | 1,50 | 3,67 |
| 10 | Hồ Cà Giang | 0,99 | 1,24 | 0,57 | 0,32 | 3,12 |
| 11 | Hồ Cẩm Hang | 0,03 | 0,65 | 0,72 | 0,88 | 2,28 |
| 12 | Hồ Sông Móng | 3,32 | 3,37 | 3,14 | 7,21 | 17,04 |
| 13 | Đập Ba Bàu | 7,52 | 7,54 | 6,38 | 13,93 | 35,37 |
| 14 | Hồ Đu Đù | 0,46 | 0,60 | 0,91 | 0,83 | 2,8 |
| 15 | Đập Sông Phan | 3,39 | 12,16 | 12,86 | 14,73 | 43,14 |
| 16 | Hồ Tân Lập | - | 0,52 | 2,20 | 1,37 | 4,09 |
| 17 | Hồ Tà Mon | 0,01 | 0,99 | 0,98 | 3,62 | 5,6 |
| 18 | Hồ Núi Đất | 0,01 | 0,99 | 0,98 | 3,62 | 5,6 |
| 19 | Hồ Sông Dinh | 5,63 | 24,03 | 53,73 | 84,29 | 167,68 |
| 20 | Đập Cô Kiều | 0,00 | 0,78 | 0,78 | 2,89 | 4,45 |
| 21 | Sông La Ngà (Tới Đập Tà Pao) | 100,90 | 157,49 | 158,86 | 213,01 | 630,26 |
| 22 | Hồ Trà Tân | 2,30 | 2,20 | 2,22 | 4,21 | 10,93 |
| | Tổng cộng | | | | | 1314,77 |

Theo Biên bản thống nhất ngày 24/3/2016 giữa Sở Nông nghiệp và PTNT Bình Thuận với các Nhà máy thủy điện. Dự kiến lượng nước xả tới tháng 6 của thủy điện Đại Ninh và Hàm Thuận, Đa Mi như sau:

Bảng 4: Dự kiến lượng nước xả của thủy điện Đại Ninh và Hàm Thuận – Đa Mi

| Thủy Điện | | Tháng | | | | Tổng (10 ⁶ m ³) |
|------------------|---|-----------|-----------|-----------|-------------|---|
| | | 5 | 6 | 7 | 8 | |
| Đại Ninh | <i>Lưu lượng Q_{bq} ngày(m³/s)</i> | 2 | 5 | 11 | 11 | 23,1 |
| | Thời gian CM tối thiểu (giờ) | 7 | 8 | 7 | 7 | |
| Hàm Thuận- Đa Mi | <i>Lưu lượng Q_{bq} ngày(m³/s)</i> | 25 | 20 | 36 | 36,2 | 167,3 |
| | Thời gian CM tối thiểu (giờ) | 16 | 12 | 12 | 12 | |

3. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG NƯỚC TRONG SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP

Kết quả tính toán nhu cầu nước vụ Hè Thu 2016 (từ tháng 5 đến tháng 8) được trình bày tại bảng 5, kết quả cho thấy: Tổng nhu cầu nước theo kế hoạch sản xuất vụ Hè Thu năm 2016 là 284,5 triệu m³ (trong đó tháng cần nhiều nước nhất là tháng 5: 118,2 triệu m³ và tháng 6: 85,4 triệu m³).

Bảng 5: Bảng tổng hợp nhu cầu nước tại đầu mối các công trình thủy lợi tỉnh Bình Thuận theo kế hoạch sản xuất năm 2016

Đơn vị: Triệu m³

| TT | LV Sông, hồ | Vụ Hè Thu 2016 | | | | | | | |
|------------------|------------------------------------|--|-------------------------|--------------|--|-------------|-------------|-------------|---------------|
| | | Kế hoạch diện tích sản xuất vụ Hè Thu (ha) | | | Nhu cầu nước vụ Hè Thu (10 ⁶ m ³) | | | | |
| | | Lúa | Cây CN, Nho, Thanh Long | Thủy sản | Tháng 5 | Tháng 6 | Tháng 7 | Tháng 8 | Tổng |
| Tổng cộng | | 33787,6 | 14761,4 | 647,5 | 118,2 | 85,4 | 50,3 | 30,8 | 284,75 |
| 1 | Hồ Đá Bạc | 271,4 | 54 | - | 0,77 | 0,72 | 0,50 | 1,99 | 2,93 |
| 2 | Hồ Phan Dũng | 124 | 108 | - | 0,57 | 0,54 | 0,45 | 1,56 | 2,20 |
| 3 | Hồ Lòng Sông | 3062 | 195 | 79,2 | 8,59 | 8,21 | 5,81 | 22,61 | 33,53 |
| 4 | Đập Sông Lũy | 6.378,80 | 294 | - | 22,74 | 18,35 | 15,51 | 69,58 | 69,58 |
| 5 | Hồ Cà Giấy | 1.410,00 | 396 | - | 5,13 | 4,17 | 3,54 | 15,83 | 15,83 |
| 6 | Đập Đồng Mới, Đồng Mãng, Tú Sơn... | 1.027,00 | 276 | - | 4,91 | 4,17 | 3,75 | 16,17 | 16,17 |
| 7 | Hồ Sông Quao | 6.369 | 6.622,81 | - | 5,79 | 11,54 | 17,40 | 42,13 | 42,13 |
| 8 | Hồ Suối Đá | 235 | 470 | - | 0,14 | 0,36 | 0,60 | 1,3 | 1,30 |
| 9 | Hồ Sông Khán | 74 | 34 | - | 0,06 | 0,13 | 0,20 | 0,47 | 0,47 |
| 10 | Hồ Sông Móng | - | 178 | - | 0,13 | - | - | 0,13 | 0,13 |
| 11 | Đập Ba Bàu | 726,32 | 3640 | - | 6,00 | 1,73 | 0,49 | 9,25 | 9,24 |
| 12 | Hồ Đu Đù | 97 | 987,67 | - | 1,17 | 0,22 | 0,05 | 1,57 | 1,56 |
| 13 | Đập Sông Phan | 1 | 604,8 | - | 0,53 | 0,07 | 0,07 | 0,74 | 0,74 |
| 14 | Hồ Tân Lập | - | 473,76 | - | 0,35 | - | - | 0,35 | 0,35 |
| 15 | Hồ Tà Mon | - | 137,4 | - | 0,10 | - | - | 0,1 | 0,10 |
| 16 | Hồ Núi Đất | 430 | 226 | - | 2,34 | 1,26 | 0,52 | 4,96 | 4,96 |
| 17 | Hồ Sông Dinh | 417 | 64 | - | 2,93 | 2,01 | 1,33 | 7,91 | 7,90 |
| 18 | Đập Cô Kiều | 40 | - | - | 0,23 | 0,14 | 0,08 | 0,56 | 0,56 |
| 19 | Sông La Ngà (Tới Đập Tà Pao) | 13.024,20 | - | 568,3 | 55,45 | 31,73 | - | 87,18 | 129,31 |
| 20 | Hồ Trà Tân | 100,9 | - | - | 0,27 | 0,09 | - | 0,36 | 0,54 |

4. DỰ BÁO KHẢ NĂNG CẤP NƯỚC PHỤC VỤ SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP VỤ HÈ THU 2016

4.1. Dự báo nguồn nước trong các hồ/đập trên địa bàn tỉnh Bình Thuận tuần từ 05/05/2016 đến 12/05/2016

Dự báo nguồn nước trong hệ thống các hồ đập trên địa bàn tỉnh Bình Thuận đến ngày 12/05/2016 được trình bày tại bảng 6, kết quả cho thấy: Dung tích tại các hồ chứa trên địa bàn tỉnh hầu hết đều giảm, tổng dung tích các hồ chứa đến ngày 12/05/2016 đạt 30,8 triệu m³ (chiếm 14,23% so với dung tích thiết kế), giảm 4,5 triệu m³ so với thời điểm hiện tại (ngày 04/05/2016).

Bảng 6: Kết quả dự báo nguồn nước trong các hồ/đập công trình thủy lợi tỉnh Bình Thuận đến ngày 12/05/2016

| TT | Hồ chứa | Cao trình mực nước bình thường (m) | Dung tích hữu ích thiết kế (10 ⁶ m ³) | Nguồn nước hiện tại - 04/5/2016 | | | Dự kiến nguồn nước đến 12/5/2016 | | |
|----|---------------|------------------------------------|--|---------------------------------|---|---|----------------------------------|---|---|
| | | | | Cao trình mực nước hiện tại (m) | Dung tích hữu ích (10 ⁶ m ³) | Tỷ lệ dung tích hữu ích đến ngày 04/05/2016 so với thiết kế | Cao trình mực nước (m) | Dung tích hữu ích (10 ⁶ m ³) | Tỷ lệ dung tích hữu ích đến 12/5/2016 so với thiết kế |
| 1 | Hồ Đá Bạc | 31,01 | 4,478 | 25,95 | 0,265 | 5,92% | 25,91 | ▼ 0,254 | 5,67% |
| 2 | Hồ Lòng Sông | 76,95 | 33,696 | 61,85 | 6,946 | 20,61% | 61,66 | ▼ 6,733 | 19,98% |
| 3 | Hồ Cà Giây | 74,7 | 28,512 | 69,16 | 3,720 | 13,05% | 68,86 | ▼ 3,048 | 10,69% |
| 4 | Hồ Sông Khán | 106,95 | 1,753 | 103,28 | 0,427 | 24,36% | 103,22 | ▼ 0,412 | 23,49% |
| 5 | Hồ Sông Quao | 89 | 67,3 | 78,81 | 19,135 | 28,43% | 78,09 | ▼ 16,62 | 24,69% |
| 6 | Hồ Suối Đá | 47 | 7,858 | 43,39 | 0,422 | 5,37% | 43,27 | ▼ 0,292 | 3,72% |
| 7 | Hồ Cẩm Hang | 25 | 1,167 | 24,10 | 0,690 | 59,13% | 24,05 | ▼ 0,664 | 56,86% |
| 8 | Hồ Sông Móng | 75,8 | 34,171 | 63,85 | -1,095 | -3,20% | 63,78 | ▼ -1,15 | -3,36% |
| 9 | Đập Ba Bàu | 42 | 5,974 | 38,20 | -0,180 | -3,01% | 37,20 | ▼ -0,556 | -9,31% |
| 10 | Hồ Đu Đủ | 61 | 3,367 | 59,98 | 2,319 | 68,88% | 59,77 | ▼ 2,133 | 63,36% |
| 11 | Hồ Tân Lập | 44 | 1 | 42,44 | 0,483 | 48,32% | 42,09 | ▼ 0,385 | 38,52% |
| 12 | Hồ Tà Mon | 46,5 | 0,607 | 41,80 | -0,030 | -4,94% | 41,80 | ■ -0,03 | -4,94% |
| 13 | Hồ Núi Đất | 23,5 | 7,9 | 17,55 | 0,271 | 3,43% | 17,37 | ▼ 0,182 | 2,30% |
| 14 | Hồ Trà Tân | 95 | 3,485 | 92,50 | 0,000 | -0,01% | 92,47 | ▼ -0,011 | -0,32% |
| 15 | Đập Sông Phan | 70 | 2,85 | 61,05 | -0,057 | -1,99% | 61,05 | ■ -0,057 | -1,99% |
| 16 | Hồ Phan Dũng | 206,4 | 12,441 | 199,27 | 1,994 | 16,03% | 199,14 | ▼ 1,897 | 15,25% |
| | Tổng | | 216,559 | | 35,31 | 16,31% | | 30,81 | 14,23% |

Ghi chú: ▲ ▼ ■ Dung tích hồ tăng, giảm, giữ nguyên so với hiện trạng

4.2. Dự báo khả năng cấp nước vụ Hè Thu 2016

Với kế hoạch sản xuất và dự báo nguồn nước vụ Hè Thu, dự báo từ 5/5-31/8/2016 sẽ có:

- + 9/20 hồ chứa nguồn nước rất ít để bố trí diện tích tưới bao gồm: Hồ Lòng Sông (đáp ứng 57,26%), hồ Đá Bạc (15,49%), hồ Phan Dũng (86,34%), đập sông Lũy (80,66%- thiếu nước tháng 5), hồ Cà Giây (95,18%- thiếu nước tháng 5), hồ sông Móng(56,3%), hồ Tà Mon (0%), hồ Núi Đất(47,49%), đập Cô Kiều (59,81%).
- + 11/20 hồ/đập có khả năng đáp ứng cho vụ Hè Thu: Hệ thống đập Đồng Mới, Đồng Mãng, Tú Sơn..., hồ Sông Quao, hồ Suối Đá, hồ sông Khán, đập Ba Bàu, hồ Đu Đủ, đập sông Phan, hồ Tân Lập, hồ Sông Dinh, Sông La Ngà (tới đập TaPao), hồ Trà Tân.

Kết quả dự báo khả năng đáp ứng nhu cầu nước của các hồ chứa vụ Hè Thu 2016 được tổng hợp trong Bảng 7:

Bảng 7: Bảng tổng hợp dự báo khả năng đáp ứng nguồn nước phục vụ sản xuất nông nghiệp vụ Hè Thu tỉnh Bình Thuận năm 2016

| TT | LV Hồ, Đập | Dự báo khả năng cấp nước vụ Hè Thu | | | | | | | |
|-------------|-------------------------------------|--|---------|---------|---------|--------------|---------------------------------------|-----------------------------|---------|
| | | Lượng nước thiếu (10 ⁶ m ³) | | | | | Khả năng cấp nước tưới vụ Hè Thu 2016 | Tháng thiếu nhiều nước nhất | |
| | | Tháng 5 | Tháng 6 | Tháng 7 | Tháng 8 | Tổng | | Tỷ lệ đáp ứng | Tháng |
| 1 | Hồ Đá Bạc (*) | 0,457 | 0,718 | 0,496 | | 1,671 | 15,49% | 0% | Tháng 7 |
| 2 | Hồ Phan Dũng (*) | 0,064 | 0,081 | 0,067 | | 0,212 | 86,34% | 85,00% | Tháng 7 |
| 3 | Hồ Lòng Sông (*) | 0,501 | 5,921 | 3,163 | | 9,585 | 57,26% | 27,92% | Tháng 6 |
| 4 | Đập Sông Lũy | 13,578 | 0 | 0 | | 13,578 | 80,66% | 40,28% | Tháng 5 |
| 5 | Hồ Cà Giây | 0,77 | 0 | 0 | 0 | 0,77 | 95,18% | 85,00% | Tháng 5 |
| 6 | Đập Đồng Mới, Tú Sơn... | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 100% | 100% | |
| 7 | Hồ Sông Quao | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 100% | 100% | |
| 8 | Hồ Suối Đá | 0,021 | 0 | 0 | 0 | 0,021 | 100% | 100% | |
| 9 | Hồ Sông Khán | 0,005 | 0 | 0 | 0 | 0,005 | 100% | 100% | |
| 10 | Hồ Sông Móng | 0,057 | 0 | 0 | 0 | 0,057 | 56,31% | 56,31% | Tháng 5 |
| 11 | Đập Ba Bàu | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 100% | 100% | |
| 12 | Hồ Đu Đù | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 100% | 100% | |
| 13 | Đập Sông Phan | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 100% | 100% | |
| 14 | Hồ Tân Lập | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 100% | 100% | |
| 15 | Hồ Tà Mon | 0,103 | 0 | 0 | 0 | 0,103 | 0% | 0% | Tháng 5 |
| 16 | Hồ Núi Đất | 2,219 | 0,278 | 0,078 | 0,041 | 2,616 | 47,49% | 5,09% | Tháng 5 |
| 17 | Hồ Sông Dinh | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 100% | 100% | |
| 18 | Đập Cô Kiều | 0,229 | 0 | 0 | 0 | 0,229 | 59,81% | 1,61% | Tháng 5 |
| 19 | Sông La Ngà (*) (Tới Đập Tà Pao) | 0 | 0 | | | 0 | 100% | 100% | |
| 20 | Hồ Trà Tân (*) | 0 | 0 | | | 0 | 100% | 100% | |
| Tổng | | | | | | 28,86 | | | |

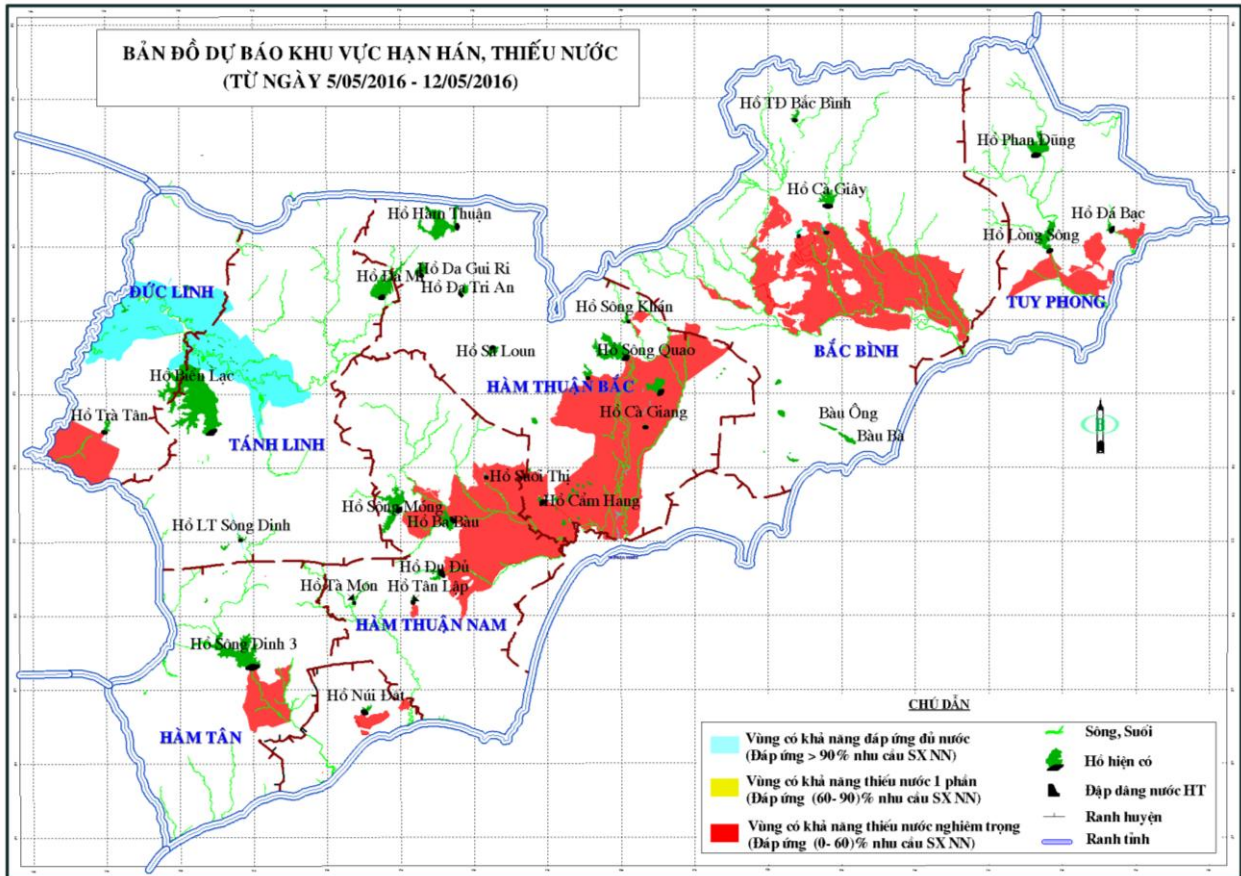
Kiến nghị:

Trên cơ sở kết quả kiểm đếm nguồn nước hiện có của hệ thống công trình thủy lợi tỉnh Bình Thuận, địa phương cần: Tiếp tục triển khai các biện pháp phòng chống hạn hán có nguy cơ ảnh hưởng đến cây trồng, vật nuôi. Thường xuyên theo dõi lưu lượng chạy máy của Thủy điện Đại Ninh và Hàm Thuận – Đa Mi, diễn biến mưa và nguồn nước các hồ để có kế hoạch xuống giống hợp lý cho vụ hè Thu.

Từ kết quả dự báo nguồn nước đến ngày 12/5/2016 cho thấy tổng dung tích các hồ chứa trên địa bàn tỉnh chỉ còn 30,81 triệu m³ (chiếm 14,23% so với dung tích thiết kế), do đó kiến nghị kế hoạch sử dụng nước tại một số hồ chứa thủy lợi trong tỉnh Bình Thuận đến ngày 12/5/2016 như sau:

- Hồ Lòng Sông: 6,73 triệu m³, hồ Phan Dũng: 1,89 triệu m³, hồ Đá Bạc hết nước nên chỉ ưu tiên cấp nước sinh hoạt cho nhà máy nước thị trấn Liên Hương, nước uống cho gia súc, nước tưới cho cây Thanh Long;
- Hồ Cà Giây còn là 3,05 triệu m³: ưu tiên cấp nước cho sinh hoạt, nước uống cho gia súc, tưới cho Thanh Long;
- Hồ Sông Quao còn 16,61 triệu m³: ưu tiên cấp nước sinh hoạt cho thị trấn Ma Lâm huyện Hàm Thuận Bắc và thành phố Phan Thiết;

- Hồ Sông Móng đã hết nước, đập Ba Bàu hết nước, hồ Đu Đủ: 2,13 triệu m³ cung cấp nước tưới cho cây Thanh Long; riêng hồ Tân Lập : 0,385 triệu m³ ưu tiên cấp nước sinh hoạt cho thị trấn huyện Hàm Thuận Nam.
- Hồ Núi Đất: 0,18 triệu m³, hồ sông Dinh 3: 3,7 triệu m³ ưu tiên cấp nước sinh hoạt cho Thị xã LaGi;
- Nguồn nước tại Đập Tà Pao (sau nhà máy thủy điện Hàm Thuận – Đa Mi) cấp đủ nước sản xuất vụ Hè Thu theo kế hoạch 2016.



Hình 5: Bản đồ dự báo các vùng/khu vực có khả năng hạn hán, thiếu nước từ ngày 5/05/2016 đến ngày 12/05/2016

Viện Khoa học Thủy lợi miền Nam, 04/05/2016

(Lưu ý: Để phục vụ kịp thời cho sản xuất ứng phó với tình hình hạn hán, kính đề nghị địa phương, các đơn vị sử dụng nếu có ý kiến, đề nghị phản hồi lại Tổng cục Thủy lợi để cập nhật trong các bản tin tiếp theo).

Bản tin này cũng được đăng trên địa chỉ Website : <http://www.siwrr.org.vn> . Các thông tin về tình hình hạn hán, sản xuất và những yêu cầu cấp thiết khác xin gửi về Viện Khoa học Thủy lợi miền Nam qua địa chỉ email: vkhtlmn@gmail.com và tncnbvmt@gmail.com ./.